TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 591/2024/DS-PT
Ngày: 06/12/2024
V/v tranh chấp: "*Đòi quyền sử dụng đất; chia thừa kế*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt;**

Các Thẩm phán: Bà **Lâm Ngọc Tuyền**;

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Vân** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất; chia thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 285/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 488/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Kim Đ, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Số B N, tổ A, ấp B, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Hoàng Â - Văn phòng Luật sư Hoàng Â thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Phan Thị Đ1, sinh năm 1968 (có mặt);

Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Phan Thị Yến N, sinh năm 1999 (vắng mặt);

3.2. Chị Phan Thị Huỳnh T, sinh năm 2001 (vắng mặt);

3.3. Anh Phan Duy Hoàng T1, sinh năm 2003 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: số B M, Khu phố B, ường"Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3.6. Bà Phan Thị Kim T3, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: số B K, ường"Phường A, Quận F, Thànhphố H.

3.7. Anh Phan Duy N1, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3.8. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ số A, tổ G, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.9. Bà Phan Thị T4, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, đường B, ấp N, xã N, thị xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3.10. Bà Phan Thị L, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3.11. Ông Phan Duy Q, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3.12. Ông Phan Duy M, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Phan Thị Đ1, Nguyễn Chí C; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phan Thị L, Phan Thị T4, Phan Duy Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Phan Thị K1 đang"*Đangbày:*

Chị có thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/8/2018. Nguồn gốc đất được cha mẹ cho từ năm 2010. Năm 2012 chị có cho bà Phan Thị Đ1, Nguyễn Chí C cất nhà thô sơ trên đất ngang 04m, dài 06m để ở nhờ trong thời gian chờ chia tài sản của ông nội chị là cụ Phan Duy T5. Do là cô cháu với nhau nên không làm giấy tờ. Trong quá trình ở nhờ bà Đ1 tự ý sửa chữa, cơi nới lấn chiếm mở rộng chiều ngang 10m, dài 16 m không hỏi ý kiến chị. Do chị ở xa, bận công việc nên không biết. Khi chị về phát hiện thì phát sinh tranh chấp.

Bị đơn bà Phan Thị Đ1"Được trình bày:

Thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do chị đang"Đangứng tên là di sản thừa kế của cụ Phan Duy T5 (chết ngày 19/4/2009) và cụ Nguyễn Thị B1 (chết ngày 21/01/2007) - cha mẹ ruột của bà chết không để lại di chúc. Anh bà là ông Phan Duy Q1 (chết ngày 20/12/2017) là cha chị đang"Đangự ý kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ T5 và B1. Cụ T5 và B1 có các người con gồm: Phan Duy Q1, Phan Duy Q, Phan Thị L, Phan Duy C1, Phan Duy M, Phan Thị Đ1, Phan Thị T4. Nhà đất bị đơn đang ở được ông Q1 chia cho từ năm 2011 nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà xác định thửa đất 409 là di sản thừa kế của cụ Phan Duy T5 và cụ Nguyễn Thị B1. Kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 409. Chia thừa kế theo pháp luật thửa đất 409 làm 07 phần, cho mỗi người 01 phần gồm Phan Duy Q, Phan Thị L, Phan Duy M, Phan Thị Đ1, Phan Thị T4. Phan Thị Kim Đ, Phan Thị Kim T3, Phan Duy N1 01 kỷ phần; Phan Thị Yến N, Phan Thị Huỳnh T, Phan Duy Hoàng T1 01 kỷ phần.

Bị đơn anh Nguyễn Chí C trình bày:

Thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do chị đang"Đangứng tên là di sản thừa kế của cụ Phan Duy T5 (chết ngày 19/4/2009) và cụ Nguyễn Thị B1 (chết ngày 21/01/2007) - cha mẹ ruột của bà Đ1 chết không để lại di chúc. Cậu anh Phan Duy Q1 (chết ngày 20/12/2017) là cha chị đang"Đangự ý kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ T5 và B1. Cụ T5 và B1 có các người con gồm: Phan Duy Q1, Phan Duy Q, Phan Thị L, Phan Duy C1, Phan Duy M, Phan Thị Đ1, Phan Thị T4. Nhà đất bị đơn đang ở được ông Q1 chia cho từ năm 2011 nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị L trình bày:

Xác định đơn phản tố ngày 17/5/2021 của người phản tố là đúng sự thật và đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố. Bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm 07 phần, cho mỗi người 01 phần gồm Phan Duy Q, Phan Thị L, Phan Duy M, Phan Thị Đ1, Phan Thị T4. Phan Thị Kim Đ, Phan Thị Kim T3, Phan Duy N1 01 kỷ phần; Phan Thị Yến N, Phan Thị Huỳnh T, Phan Duy Hoàng T1 01 kỷ phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị T4 trình bày:

Xác định đơn phản tố ngày 17/5/2021 của người phản tố là đúng sự thật và đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố. Bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm 07 phần, cho mỗi người 01 phần gồm Phan Duy Q, Phan Thị L, Phan Duy M, Phan Thị Đ1, Phan Thị T4. Phan Thị Kim Đ, Phan Thị Kim T3, Phan Duy N1

01 kỷ phần; Phan Thị Yến N, Phan Thị Huỳnh T, Phan Duy Hoàng T1 01 kỷ phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Duy Q trình bày:

Xác định đơn phản tố ngày 17/5/2021 của người phản tố là đúng sự thật và đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố. Ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm 07 phần, cho mỗi người 01 phần gồm Phan Duy Q, Phan Thị L, Phan Duy M, Phan Thị Đ1, Phan Thị T4. Phan Thị Kim Đ, Phan Thị Kim T3, Phan Duy N1 01 kỷ phần; Phan Thị Yến N, Phan Thị Huỳnh T, Phan Duy Hoàng T1 01 kỷ phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Yến N, Phan Thị Huỳnh T, Phan Duy Hoàng T1 cùng trình bày:

Xác định đơn phản tố ngày 17/5/2021 của người phản tố là đúng sự thật và đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố. Anh chị là thừa kế thế vị của ông Phan Duy C1. Anh chị yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm 07 phần, cho mỗi người 01 phần gồm Phan Duy Q, Phan Thị L, Phan Duy M, Phan Thị Đ1, Phan Thị T4. Phan Thị Kim Đ, Phan Thị Kim T3, Phan Duy N1 01 kỷ phần; Phan Thị Yến N, Phan Thị Huỳnh T, Phan Duy Hoàng T1 01 kỷ phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị T2 trình bày:

Xác định đơn phản tố ngày 17/5/2021 của người phản tố là đúng sự thật và đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố. Bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm 07 phần, cho mỗi người 01 phần gồm Phan Duy Q, Phan Thị L, Phan Duy M, Phan Thị Đ1, Phan Thị T4. Phan Thị Kim Đ, Phan Thị Kim T3, Phan Duy N1 01 kỷ phần; Phan Thị Yến N, Phan Thị Huỳnh T, Phan Duy Hoàng T1 01 kỷ phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn K trình bày:

Ông sống như vợ chồng với bà Đ1, ông thống nhất yêu cầu của bà Đ1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Kim T3, anh Phan Duy N1 cùng trình bày:

Anh chị là em ruột chị Đ không đồng ý yêu cầu phản tố của bà Đ1; yêu cầu độc lập của ông Q, bà L, bà T4 vì thửa đất 409 được cha mẹ anh chị cho chị Đ từ năm 2010. Năm 2012 chị Đ cho bà Đ1 cất nhà thô sơ ở tạm trong thời gian chưa có chổ ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị B trình bày:

Bà là mẹ ruột chị đang"Đangđồng ý yêu cầu phản tố của bà Đ1, yêu cầu độc lập của ông Q, bà L, bà T6 đất 409 là tài sản vợ chồng bà cho chị Đ từ năm 2010. Năm 2012 chị đang"Đangbà được"Đượcất nhà thô sơ ở tạm trong thời gian chưa có chổ ở.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Phan Thị K1 đang"*Đangtrình bày:*

Yêu cầu bà Đ1, anh C và các thành viên trong hộ di dời đồ đạc, giao trả lại chị phần đất diện tích 104,7m^2 theo như kết quả đo đạc hiện trạng đất. Chị sẽ hỗ trợ cho bà Đ1 chi phí căn nhà theo kết quả của Hội đồng định giá ngày 26/4/2024 và cho bà Đ1 cùng gia đình lưu cư 06 tháng; chị không yêu cầu giải quyết chi phí tố tụng. Đối yêu cầu phản tố của bà Đ1, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị không đồng ý.

Bị đơn Phan Thị Đ1 trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất tranh chấp bà được cha chị đang"Đangặng cho năm 2011 nên thuộc quyềndụng hợp pháp của bà. Bà rút yêu cầu kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 409; rút yêu cầu xác định thửa đất 409 là di sản thừa kế của cụ Phan Duy T5 và cụ Nguyễn Thị B1, chia thừa kế theo pháp luật thửa đất 409 làm 08 phần thêm 01 kỷ phần cho bà T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị T4, Phan Thị L, ông Phan Duy Q rút yêu cầu xác định thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Phan Duy T5, Nguyễn Thị B1 và yêu cầu chia thừa kế.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nguyên đơn – Luật sư Lê Hoàng Â trình bày:

Nguyên đơn được thừa kế thửa đất 409 là đúng qui định của pháp luật. Tài sản của cụ T5 và cụ B1 đã được giải quyết bằng 01 bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn không có chứng cứ chứng minh thửa đất 409 trước đây là thửa 163, 164,165, không có chứng cứ chứng minh thửa 148 trong sổ mục kê 299 là thửa 2175. Từ đó đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với bà T2 Giấy khai sinh không có tên cha tên, trong khi trước đây các con cụ T5 khi khởi kiện chia thừa kế xác định cụ có 07 người con. Do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 285/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, 157, 165, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 459; 649 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim Đ.

Buộc bà Phan Thị Đ1, anh Nguyễn Chí C, ông Đỗ Văn K phải tháo dở, di dời căn nhà trả lại diện tích đất 104,7m^2 thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ 26, diện

tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho chị Phan Thị Kim Đ. Vị trí từ T2-T5 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 25/3/2022 của Công ty TNHH Đ2. Có sơ đồ cụ thể kèm theo.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Kim Đ bồi thường giá trị căn nhà cho bà Phan Thị Đ1 là 114.680.379 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Kim Đ cho bà Phan Thị Đ1, anh Nguyễn Chí C, ông Đỗ Văn K thời gian lưu cư là 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Đ1 kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Phan Thị Kim Đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Đ1"Đượccầu xác định thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ở ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Phan Duy T5, Nguyễn Thị B1 và yêu cầu chia thừa kế.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị T4, Phan Thị L, ông Phan Duy Q yêu cầu xác định thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Phan Duy T5, Nguyễn Thị B1 và yêu cầu chia thừa kế.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu án phí, giải thích về quyền được thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, bị đơn Phan Thị Đ1, Nguyễn Chí C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị L, Phan Thị T4, Phan Duy Q kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Nguyễn Chí C vắng mặt không lý do; bị đơn Phan Thị Đ1"Đượcphần yêu cầu phản tố về yêu cầu công nhận thửa đất số 409 là di sản thừa kế của hai cụ Phan Duy T7 - Nguyễn Thị B1 và chia di sản thừa kế, giữ yêu cầu Tòa án không công nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 118,9m^2 thuộc thửa 409 thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị L, Phan Thị T4, Phan Duy Q rút yêu cầu kháng cáo và rút yêu cầu độc lập. Việc rút yêu cầu độc lập của bà T4, ông Q, bà L được nguyên đơn, và bị đơn chấp nhận; đối với việc bị đơn rút yêu cầu phản tố không được nguyên đơn chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày ý kiến: Phân tích nguồn gốc thửa đất số 409 – diện tích 718m^2 (đo đạc thực tế 755,9m^2) do ông Q1 đứng tên vào năm 2000 và cấp cho chị Đ vào năm 2018 thì không ai tranh chấp khiếu nại gì về việc cấp Giấy chứng nhận, cũng như quá trình canh

tác không có tài liệu chứng cứ chứng minh thửa 409 là thửa 148 hay 164 do cụ Phạm Duy T8 hay cụ Nguyễn Thị B1 đăng ký kê khai năm 1983. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Theo lời của chị Đ, đầu năm 2012 chị Đ và ông Q1 cho bà Đ1 ở nhờ đến khi có đất khác nhưng sau khi bà Đ1 được chia đất thừa kế thì không chịu trả đất, chứng tỏ bà bà Đ1 có ý đồ chiếm đất. Mặc khác, phần đất tranh chấp bà được"Đượcất nhà ở thì theo Quyết định số 04 ngày 08/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh T không đủ diện tích tách thửa. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Đ1 tự ý xây dựng lại phần mái che vị trí T6, tuy nhiên bà được"Đượcđồng ý tháo dỡ nếu yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nhưng nếu công nhận phần đất T4 thì diện tích tổng cộng là 118,6m^2 đề nghị HĐXX xem xét diện tích này do có thay đổi để nếu có buộc bị đơn tháo dỡ nhà trả đất cho nguyên đơn thì diện tích buộc trả là 118,6m^2 đất thay vì 104,7m^2 đất. Đối với người liên quan gồm bà L, bà T4, ông Q đã rút yêu cầu kháng cáo và rút yêu cầu độc lập, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Đ1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Đ, yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 118,9m^2 thuộc thửa 409 bà đã được ông Phan Duy Q1 tặng cho năm 2011; Đại diện Viện kiểm sát lập luận: Bà Đ1 không cung cấp được tài liệu chứng minh việc được ông Q1 tặng cho đất. Tuy nhiên, các bên đương sự đều thống nhất xác định bà Đ1 cất nhà ở trên đất từ năm 2012 cho đến nay, lúc cất nhà thì ông Q1 còn là chủ sử dụng đất và quản lý đất cho đến khi ông Q1 chết, nhưng ông Q1 cùng các thành viên trong hộ không có ý kiến phản đối hay tranh chấp. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm các ông bà: Phan Thị L, Phan Thị T4, Phan Duy Q, Phạm Thị T2 là anh chị em và là cháu của ông Q1, bà Đ1 đều xác định các ông bà có trực tiếp nghe ông Q1 nói cho bà được"Đượcất, chính ông Q1 là người kêu bà Đ1 về cất nhà trên đất ông Q1 cho, khi ông Q1 còn sống thì ông Q1 và gia đình ông Q1 không ai tranh chấp hay phản đối, chỉ sau khi ông Q1 chết, chị Đ thừa kế đất thì chị Đ không cho bà Đ1 ở; lời trình bày của bà T2, ông Q, bà T4, bà L phù hợp với lời trình bày của bà Đ1 và quá trình bà Đ1 xây nhà ở ổn định trên đất.

Như vậy, có cơ sở xác định diện tích đất 118,9m^2 (thuộc một phần thửa đất số 409) mà bà Đ1 đã cất nhà kiên cố ở vào năm 2012 là do ông Q1 tặng cho bà Đ1. Xét, về mặt hình thức của hợp đồng tặng cho không Được"được lập thành văn bản, công chứng chứng thực theo quy định, nhưng bà Đ1 đã nhận đất cất nhà kiên cố ở ổn định cho đến nay, ông Q1 và gia đình của ông Q1 không ai phản đối

việc bà Đ1"Được xây nhà kiên cố. Nên cần công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Q1 với bà Đ1 và công nhận diện tích 114,9m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Đ1; năm 2018 chị Đ nhận thừa kế và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 409, bao gồm diện tích đất gắn với căn nhà của bà Đ1 là không phù hợp quy định pháp luật. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Đ1; Sửa Bản án sơ thẩm số 285/2024/DS-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo hướng: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Đ; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đ1, công nhận diện tích đất 118,9m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Đ1. Bà Đ1 có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp, căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Đòiền sử dụng đất; Chia thừa kế" theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn Nguyễn Chí C vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Phan Thị Yến N, Phan Thị Huỳnh T, Phan Duy Hoàng T1, Phan Duy N1, Nguyễn Thị B, Phan Duy M vắng mặt lần thứ hai mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, và việc xét xử phúc thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ; Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Phan Thị Yến N, Phan Duy Hoàng T1, Phan Thị Huỳnh T, Phan Thị T9 có đơn kháng cáo với nội dung, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đương sự này. Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đã ra Thông báo số 326/TB-TA ngày 30/8/2024 về việc yêu cầu người kháng cáo sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo (bút lục 329-330). Tuy vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa tống đạt hợp lệ cho các đương sự Phan Thị Yến N, Phan Duy Hoàng T1, Phan Thị Huỳnh T, Phạm Thị T2. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt cho ông Nguyễn Văn T10 Thông báo số 326/TB-TA ngày 30/8/2024 do ông T10 là người đã nộp các đơn kháng cáo này, trong khi ông T10 không phải là người đại diện hợp pháp cho các đương sự này là vi phạm thủ tục tố tụng.

Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã triệu tập hợp hợp lệ các đương sự Phan Thị Yến N, Phan Duy Hoàng T1, Phan Thị Huỳnh T, Phạm Thị T2 nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về yêu cầu kháng cáo nên xem như đã từ bỏ việc kháng cáo.

Tuy vậy, Tòa án nhân dân huyện Cái Bè cần rút kinh nghiệm khi tống đạt cho các đương sự.

[3]. Bị đơn Nguyễn Chí C không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không tham dự phiên tòa mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai thì xem như đã từ bỏ việc kháng cáo; căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Chí C.

[4]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị L, Phan Thị T4, Phan Duy Q rút yêu cầu kháng cáo và rút yêu cầu độc lập. Việc rút yêu cầu độc lập của bà T4, ông Q, bà L được nguyên đơn, và bị đơn chấp nhận nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm về yêu cầu kháng cáo và hủy một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu độc lập của họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Phan Thị Đ1"Đượcyêu cầu phản tố về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan Duy T5 nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không được chấp nhận.

[5]. Về mặt nội dung:

[5.1]. Xét kháng cáo của bị đơn được"Đượcề yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan Duy T5:

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2022 và ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè (B, 246-247), phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ số 26, diện tích 718m^2 (theo đo đạc thực tế diện tích 755,9m^2), tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 03/8/2018 cho chị Phan Thị Kim Đ; Trên đất có căn nhà, công trình phụ do bà được"Đượccất diện tích 118,7m^2 và cây trồng của chị Phan Thị Kim Đ (bút lục 166-171, 246, 250). Nguồn gốc đất do chị Phan Thị Kim Đ nhận thừa kế từ cha là ông Phan Duy Q1 (bút lục 144-149).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, thửa đất 409 có nguồn gốc tách ra từ thửa 2175, tờ bản đồ HKC5, loại đất vườn, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/11/2000 cho ông Phan Duy Q1 (bút lục 144). Ông Q1 được cấp quyền sử dụng đất trên cơ sở đăng ký kê khai lần đầu, được Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã H (bút lục 136-140); thời điểm này cụ T5 còn sống nên không có cơ sở xác định thửa đất nêu trên là di sản của cụ T5. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà được"Đượcề việc chia thừa kế theo pháp luật thửa đất 409 là có cơ sở pháp luật, từ đó Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Đ1.

[5.2]. Xét kháng cáo của bị đơn Phan Thị Đ1 về yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng phần đất nền nhà bà Đ1 đang quản lý có diện tích 118,9m^2, thuộc thửa 409:

Theo nguyên đơn Phan Thị Kim Đ, vào năm 2012, chị cho bà Đ1 cất nhà tạm ở nhờ trên thửa đất 409 với diện tích 4m x 6m, quá trình sử dụng bà Đ1 đã cơi nới rộng thêm đến 10m x 16m nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà Đ1 không thừa nhận.

Về phía bị đơn, bà Đ1 và anh C xác định, do thửa đất 409 có nguồn gốc của cha mẹ để lại nên đôngã tặng cho bà phần đất khoảng 300m^2 cất nhà từ năm 2011 để bà thờ cúng ông bà. Giao dịch chỉ thỏa thuận miệng vì là anh em nhưng chị em trong nhà ai cũng biết và quá trình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.

Nhận thấy, lời trình bày của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, năm 2012, cha của nguyên đơn là ông Phan Duy Q1 còn sống (ông Q1 mất ngày 04/4/2018) và thời điểm này, chị đang"Đangphải là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất 409 nên chị cho rằng, chị cho bà được"Đượcất nhà ở nhờ là không có căn cứ. Chị đang"Đangợc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 409 vào ngày 03/8/2018 trên cơ sở thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Q1 (bút lục 146-149).

Như vậy, để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Đ1 cần xem xét bà được"Đượccất nhà trên thửa đất 409 trên cơ sở cho ở nhờ hay xuất phát từ giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Q1 và bà Đ1.

Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xác định phần đất tranh chấp diện tích 104,7m^2, thuộc thửa đất số 409. Tuy vậy, theo Biênxem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2022 và ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè (bút lục 166-168, 246-247), căn nhà của bà Đ1 có kết cấu cột kèo bê tông cốt thép, mái tole, vách tường, trần prima, kèo đòn tay gỗ quy cách, nên gạch ceramic. Tổng diện tích nhà và công trình phụ có diện tích 118,7m^2 (Theo Phiếu đo đạc ngày 25/3/2022 bao gồm các phần T2+T3+T4+T5+T6 – Bút166). Nhận thấy, căn nhà có kết cấu như trên được xem là nhà kiên cố theo Công văn 134/BXD-QLN ngày 15/12/2015 của Bộ X và được bà Đ1 xây cất khi ông Q1 còn sống. Quá trình bà Đ1 xây cất căn nhà kiên cố và sử dụng hoàn toàn không có tranh chấp từ ông Q1 khi ông còn sống. Đồng thời, không thể cho rằng ông Q1 chỉ cho bà Đ1 cất nhà ở nhờ trên đất khi bà Đ1 cất một căn nhà kiên cố với kết cấu và diện tích nêu trên. Chứng cứ này phù hợp với lời trình bày của các ông bà Phan Duy Q, Phan Thị L, Phan Thị T4 là các anh chị em của bà Đ1, ông Q1. Theo các đương sự này, họ là người trực tiếp nghe ông Q1 nói với họ về việc tặng cho bà Đ1 phần đất cất nhà để bà thờ cúng ông bà. Do đó, có đủ cơ sở xác định, ông Q1 đã tặng cho bà Đ1 phần đất tại thửa 409 để bà cất nhà như lời trình bày của bà Đ1, anh C.

Nhận thấy, giao dịch tặng cho giữa bà Đ1 và ông Q1 đối với phần đất có có diện tích 118,7m^2, thuộc thửa 409, loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, vi phạm quy định của pháp luật về mặt hình thức quy

định tại Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005, nhưng ông Q1 đã giao đất cho bà Đ1 cất nhà sử dụng, là đã thực hiện hơn 2/3 nghĩa vụ, nên giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Q1 với bà Đ1 được công nhận hiệu lực. Đồng thời, Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 (đang có hiệu lực tại thời điểm ông Q1, bà Đ1 xác lập giao dịch), thì giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Q1 và bà Đ1 đối với phần đất diện tích 118,7m^2 đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Bởi lẽ, mặc dù giao dịch này có vi phạm về hình thức (được hướng dẫn tại điểm a.6) nhưng bà Đ1 sử dụng ổn định, cất nhà kiên cố trên đất; Quá trình bà Đ1 sử dụng liên tục, ổn định, không có tranh chấp nên không coi là vi phạm tại điểm này. Do đó, phần đất diện tích 118,7m^2, thuộc thửa 409, loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, phải thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Đ1 tại thời điểm năm 2011. Tại thời điểm này pháp luật chưa có quy định về diện tích tối thiểu tách thửa nên bà Đ1 được quyền đăng ký kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy, khi làm thủ tục phân chia thừa kế vào ngày 19/6/2018, bà Đ1 đã cất nhà và cư ngụ trên thửa đất 409 nhưng các đồng thừa kế của ông Q1 lại thỏa thuận phần chia cả phần đất có căn nhà của bà Đ1 nên giao dịch này vô hiệu một phần vì có đối tượng không thực hiện được. Do đó, chị Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 118,7m^2 có căn nhà của bà Đ1 là trái với quy định của pháp luật. Căn cứ xác lập quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 118,7m^2 của chị đang"Đangphù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn dỡ nhà trả đất cho chị đang"Đangkhông có căn cứ nên không được chấp nhận, phần đất nền nhà

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ1, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất nền nhà của bị đơn đang quản lý là 118,7m^2 (theo biên bản thẩm định ngày 20/11/2024, diện tích tăng 14,0m^2 do bà Đ1 tự làm lại mái che - ký hiệu T6).

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị đang"Đangải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận; bà Đ1, anh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà T4 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông Q, bà L được xét miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14.

Bà T4 chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên bà Đ1, chị đang"Đangphải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Về ý kiến và đề nghị của đại"Đaiện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 147, 148, 157, 165, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 459; 649 của Bộ luật Dânsự;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 và Điều 45 của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Chí C.

2. Chấp nhận yêu cầu của các ông bà Phan Thị T4, Phan Thị L, Phan Duy Q.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị L, Phan Thị T4, Phan Duy Q.

Hủy một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị L, Phan Thị T4, Phan Duy Q.

3. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Phan Thị Đ1.

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim Đ về yêu cầu bà Phan Thị Đ1, anh Nguyễn Chí C, ông Đỗ Văn K phải tháo dở, di dời căn nhà trả lại diện tích đất 104,7m^2 (theo biên bản thẩm định ngày 20/11/2024 là 118,7m^2) thuộc thửa đất số 409, tờ bản đồ 26, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho chị Phan Thị Kim Đ.

3.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Đ1 kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Phan Thị Kim Đ.

3.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Đ1 yêu cầu xác định thửa đất 409, tờ bản đồ 26, diện tích 718m^2 tại ở ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Phan Duy T5, Nguyễn Thị B1 và yêu cầu chia thừa kế.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

Chị Phan Thị Kim Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biênthu số 0004988 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, chị Đ đã nộp đủ án phí.

Bà Phan Thị Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại bà Đ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo Biênthu số 0000734 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Anh Nguyễn Chí C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị T4 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 1.500.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010095 ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên được hoàn lại 1.200.000 đồng.

H lại bà Phan Thị L 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010094 ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

H lại ông Phan Duy Q 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010093 ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

4.2. Án phí phúc thẩm:

Bà Phan Thị Đ1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Nguyễn Chí C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015755 ngày 16/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Ông Phan Duy Q, bà Phan Thị L được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Phan Thị T4 phải chịu 150.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015769 ngày 25/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, bà T4 được hoàn lại 150.000đồng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Minh Nguyệt